

CÔNG BÁO CAO BẮNG/Số
40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+
64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74/Ngày 22/7/2025

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 858/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 26 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện để thực hiện
cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến
một phần, dịch vụ cung cấp thông tin thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẮNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về
thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành
chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của
Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về
thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy
định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà
nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng
Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ,
kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi
trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 997/QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 06 năm 2025 của
Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Danh mục Thủ tục hành chính đủ
điều kiện để thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công
trực tuyến một phần, dịch vụ cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý của Bộ
Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số
1114/TTr-SKHCN ngày 13 tháng 6 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 32 thủ tục hành chính
đủ điều kiện thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 25 thủ tục hành

chính đủ điều kiện thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần; 04 thủ tục hành chính thực hiện cung cấp thông tin trực tuyến áp dụng trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ: công khai, tổ chức thực hiện, tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng, khai thác dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Điều 1 Quyết định này.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thiết lập biểu mẫu điện tử tương tác (nếu có), cập nhật quy trình điện tử, kết nối, chia sẻ dữ liệu để triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần, dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến được công bố tại Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Thực hiện tích hợp, kiểm thử Danh mục dịch vụ công trực tuyến đã được công bố tại Điều 1 Quyết định này trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trịnh Trường Huy

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
TOÀN TRÌNH, DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN, DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số 858 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (33 DVCTT)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Trực tiếp
1.	1.001786	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	x		
2.	1.001770	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)			x
3.	1.001677	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ			x
4.	1.001747	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)			x
5.	1.002690	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ.		x	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74/Ngày
22/7/2025

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Trực tiếp
6.	1.012353	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)		x	
7.	2.001137	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.		x	
8.	2.001143	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.		x	
9.	2.001179	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	x		
10.	2.001643	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.		x	
11.	3.000259	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam		x	
12.	2.002709	Thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước		x	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74/Ngày
22/7/2025

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Trực tiếp
13.	2.002710	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước		x	
14.	2.002711	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước		x	
15.	2.002722	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước		x	
16.	2.002723	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước		x	
17.	2.002724	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước		x	
18.	2.002278	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)	x		
19.	2.001525	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	x		
20.	2.002248	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	x		

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74/Ngày
22/7/2025

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Trực tiếp
21.	1.001716	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	x		
22.	1.001693	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ		x	
23.	2.002249	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	x		
24.	1.011819	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		x	
25.	1.011820	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp tỉnh)	x		
26.	1.011812	(Cấp tỉnh) Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	x		
27.	1.011814	(Cấp tỉnh) Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	x		
28.	1.011815	(Cấp tỉnh) Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	x		

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74/Ngày
22/7/2025

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Trực tiếp
29.	1.011816	(Cấp tỉnh) Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	x		
30.	1.011818	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	x		
31.	2.002544	Thủ tục cấp giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	x		
32.	2.002546	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	x		
33.	2.002548	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	x		

II. LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG (11 DVCTT)

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74/Ngày
22/7/2025

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Trực tiếp
1.	2.001209	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	x		
2.	2.001277	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	x		
3.	1.000449	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	x		
4.	2.000212	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	x		
5.	2.001100	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định (cấp tỉnh)		x	
6.	2.001207	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	x		
7.	2.001208	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (cấp tỉnh)		x	
8.	2.001259	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	x		
9.	2.001269	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia			x

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74/Ngày
22/7/2025

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Trực tiếp
10.	2.001501	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (cấp tỉnh)	x		
11.	2.002253	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân.	x		

III. AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN (07 DVCTT)

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74/Ngày
22/7/2025

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Trực tiếp
1.	2.002379	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).	x		
2.	2.002380	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.		x	
3.	2.002381	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế		x	
4.	2.002382	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế		x	
5.	2.002383	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế		x	
6.	2.002384	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế		x	
7.	2.002385	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	x		

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74/Ngày
22/7/2025

IV. LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (03 DVCTT)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Trực tiếp
1.	1.011937	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)		x	
2.	1.011938	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)		x	
3.	1.011939	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	x		

V. LĨNH VỰC BUƯ CHÍNH (07 DVCTT)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Trực tiếp
1.	1.003659	Cấp giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)		x	
2.	1.003687	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	x		
3.	1.003633	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (cấp tỉnh)	x		
4.	1.004379	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	x		

CÔNG BÁO CAO BẰNG/SỐ

40+41+42+43+44+45+46+47+48+49+50+51+52+53+54+55+56+57+58+59+60+61+62+63+64+65+66+67+68+69+70+71+72+73+74/Ngày
22/7/2025

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Trực tiếp
5.	1.004470	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)		x	
6.	1.005442	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	x		
7.	1.010902	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp Tỉnh)	x		

Tổng cộng 57 Dịch vụ công trực tuyến
Trong đó:
 32 Dịch vụ công trực tuyến toàn trình
 25 Dịch vụ công trực tuyến một phần
 04 Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến